

# VÙNG CẢNH TAY



TS. BS. NGUYỄN HUY BẰNG  
BM GIẢI PHẪU HỌC  
ĐHYD TP. HCM



# MIỆC TIÊU

1. Kể tên và nêu động tác của các cơ ở cánh tay theo từng lớp của mỗi vùng
2. Mô tả các thành và các thành phần của ống cánh tay
3. Mô tả động mạch cánh tay, ĐRTK chi trên

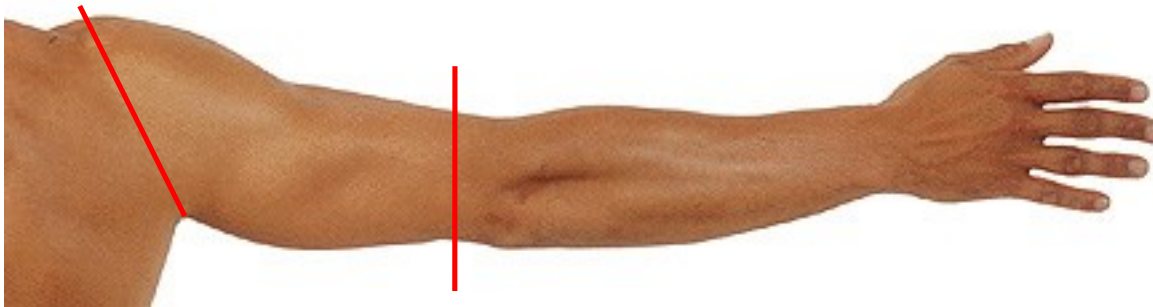
**cái chính là vẫn học trong sách**

**tĩnh mạch thường kèm động mạch, nên các em tự học**

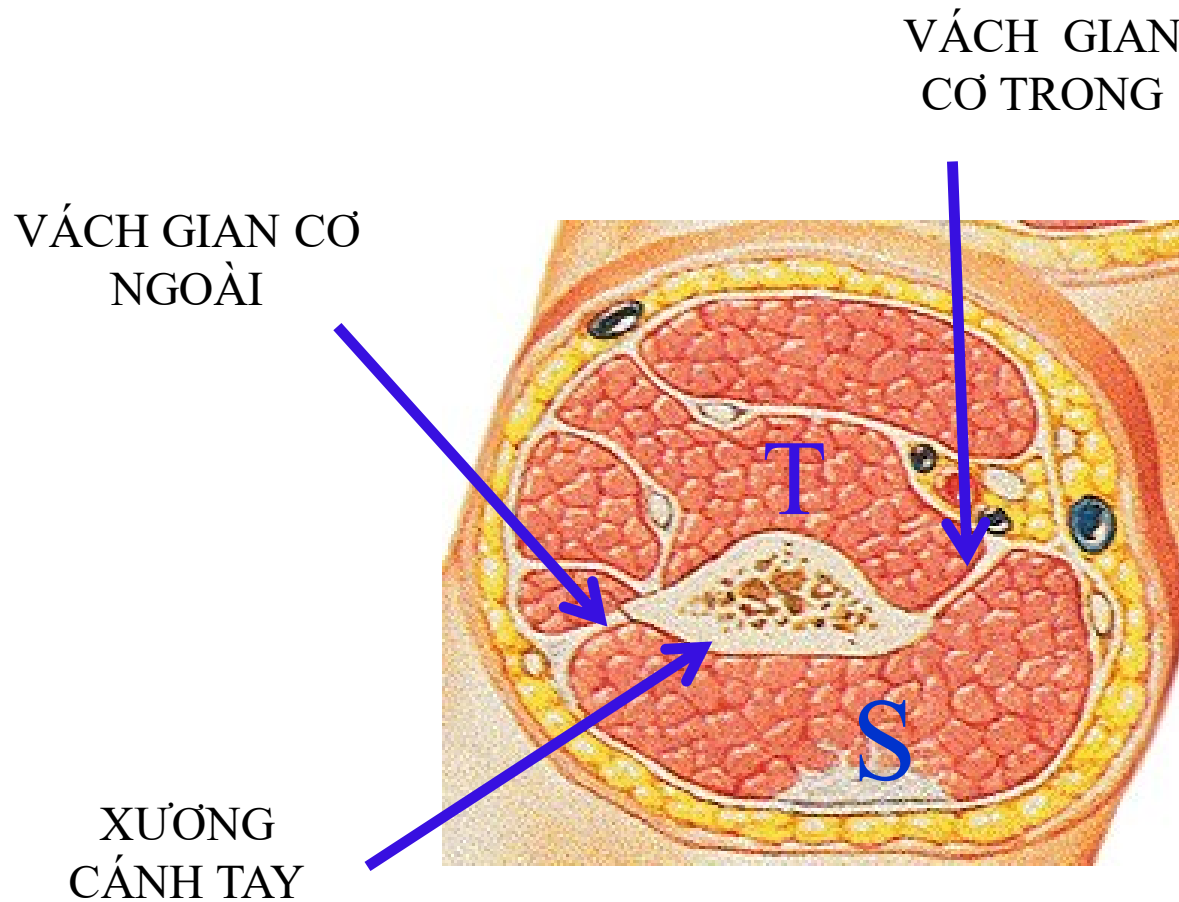


# GIỚI HẠN

- Từ nền nách tới hai khoát ngón tay trên nếp gấp khuỷu, nối tiếp vùng khuỷu



# GIỚI HẠN



**xương + 2 vách gian sẽ chia ra vùng cánh tay trước và sau.**



## VÙNG CÁNH TAY TRƯỚC

1. LỚP NÔNG

2. LỚP SÂU

## VÙNG CÁNH TAY SAU

1. LỚP NÔNG

2. LỚP SÂU



# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC

## 1. LỚP NÔNG

1.1. DA VÀ TỔ CHỨC DƯỚI DA.

1.2. MẠC NÔNG

## 2. LỚP SÂU

2.1. CÁC CƠ (hai lớp: 3 cơ )

Lớp cơ nông: Cơ nhị đầu cánh tay

Lớp cơ sâu : Cơ quạ cánh tay và Cơ cánh tay

2.2. BÓ MẠCH THẦN KINH

Ống cánh tay

đi trong ống cánh tay là đm, tm, tk

Động mạch cánh tay

Tĩnh mạch cánh tay

Thần kinh của vùng cánh tay trước



# VÙNG CẢNH TAY TRƯỚC

## LỚP NÔNG:

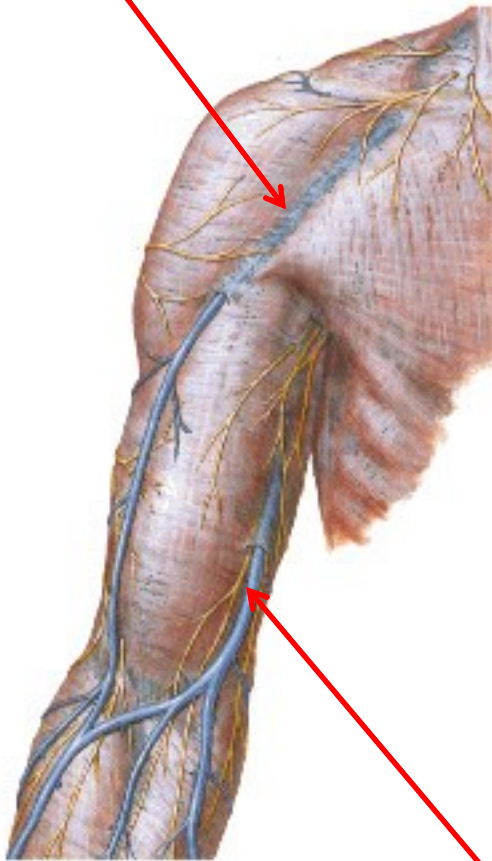
**Da và tổ chức dưới da:** Lưu ý *TM đầu* (ngoài) và *TM nền* (trong). Các nhánh cảm giác của TK bì cánh tay trong, TK nách.

**Mạc nông:** tạo nên hai vách gian cơ.

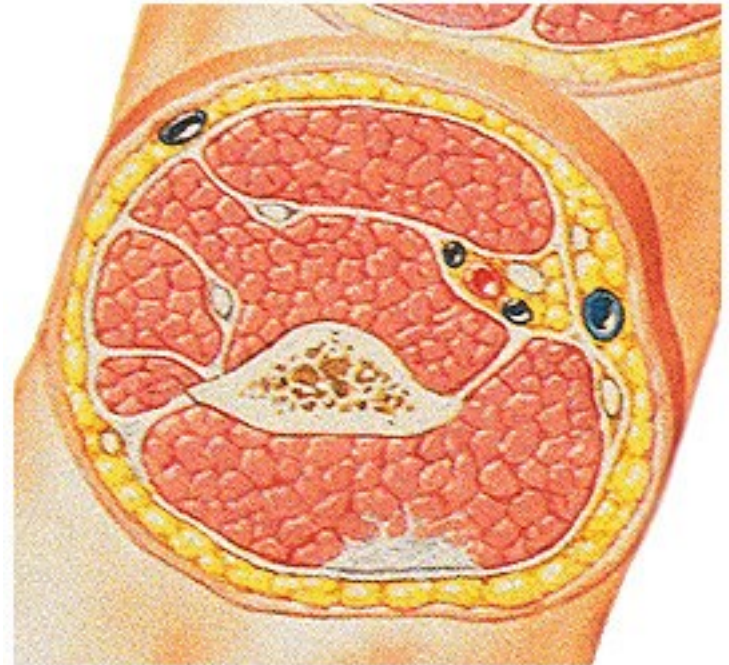


# VÙNG CÁNHI TAY TRƯỚC

T.M đầu



T.M nền





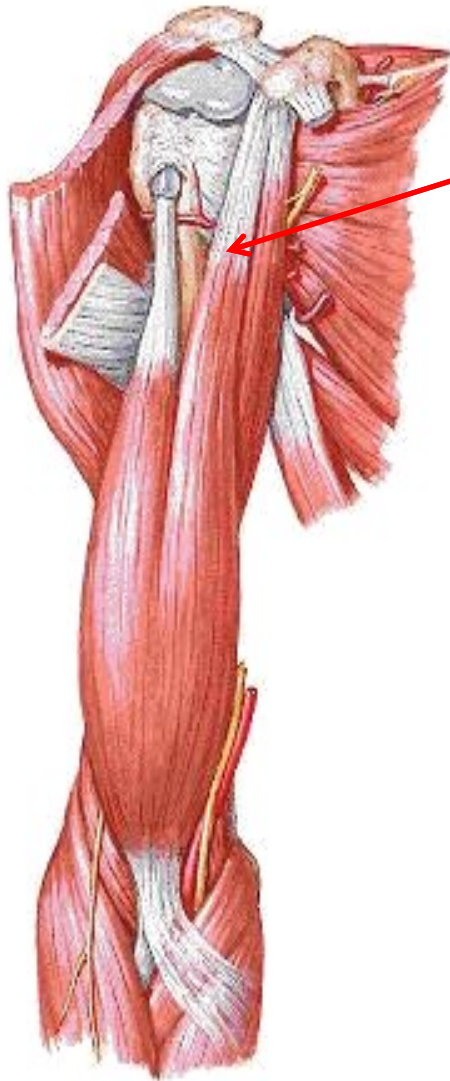
# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC

Gồm 3 cơ  
xếp hai lớp

Lớp nông: cơ nhị đầu  
cánh tay

Lớp sâu:  
-Cơ qua cánh tay  
-Cơ cánh tay

# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC



Cơ nhị đầu cánh tay  
Đầu ngắn  
Đầu dài



# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC



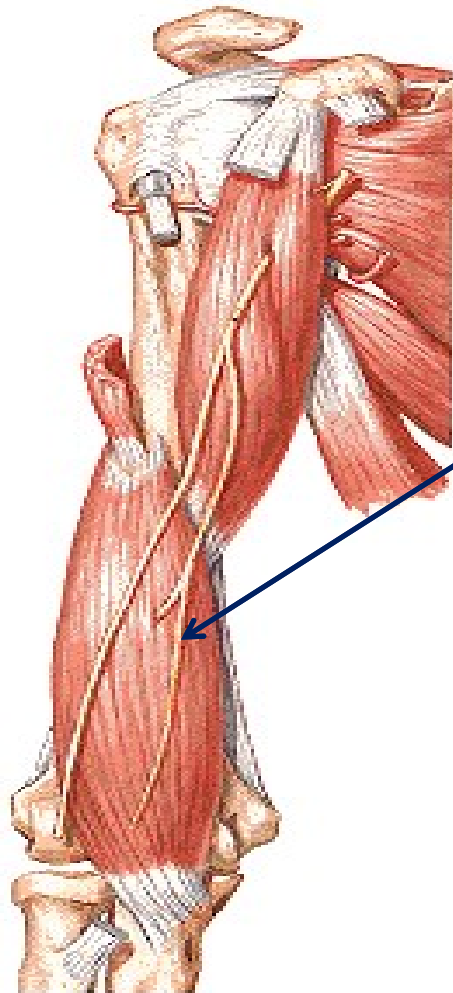
Cơ quạ cánh tay

**có tk cơ bì xuyên qua**

**TK cơ bì cũng là tk chính chi phối  
cho cánh tay trước**



# VÙNG CÁNH TAY TRƯỚC

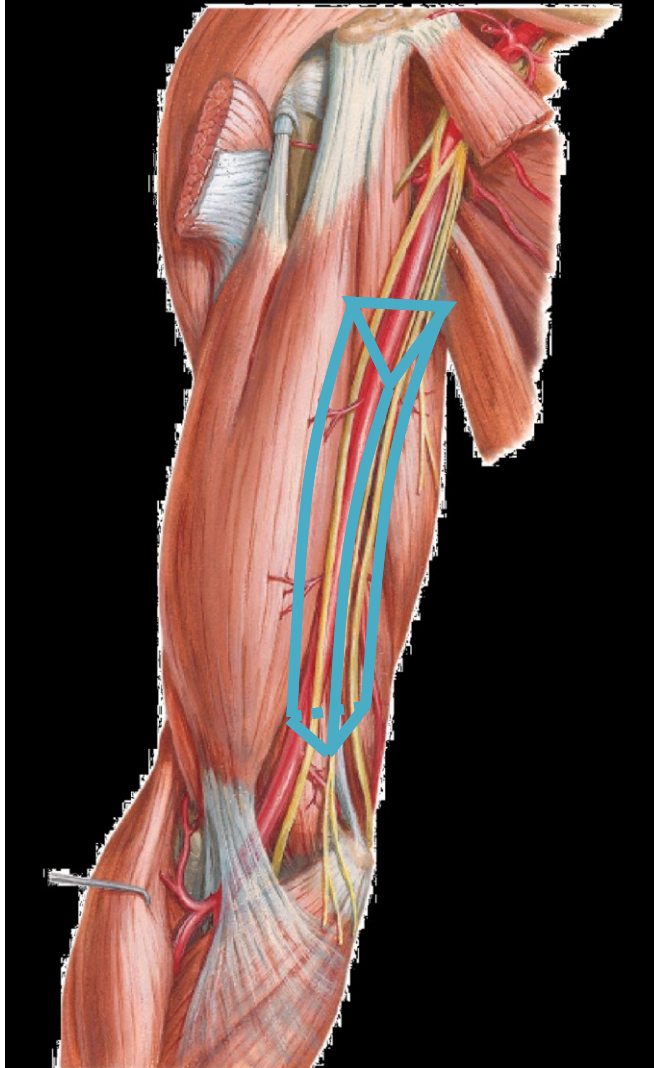


Cơ cánh tay



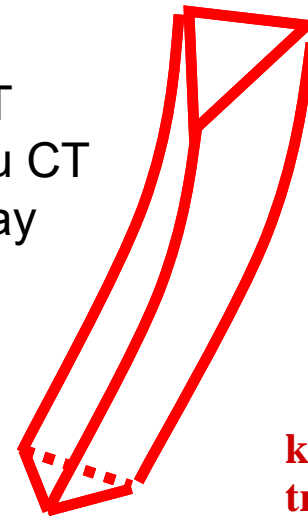
# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC: ống cánh tay

ống cánh tay là 1 ống lỗng trụ hình tam giác, có 3 thành



Cơ quạ CT  
Cơ nhị đầu CT  
Cơ cánh tay

Vách gian  
cơ trong



Da  
mô  
dưới  
da,  
mạc  
nông

đi trong ống cánh tay có  
đm cánh tay, 1 vài tk.

khi dùng tay sờ phần  
trong thì có thể cảm nhận  
đc đm

# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC: động mạch cánh tay

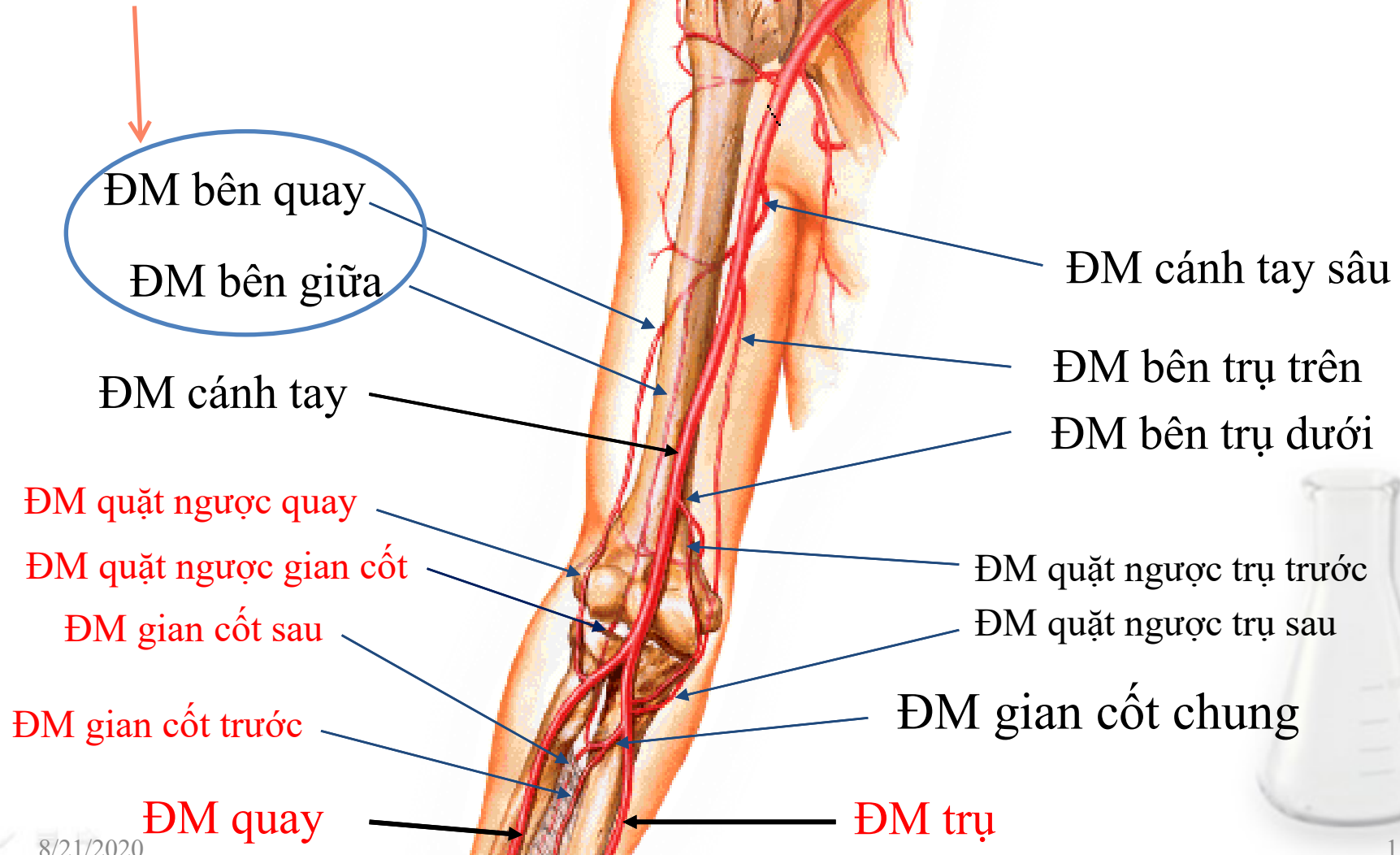
- Tiếp theo của ĐM nách thầy giảng là đi qua bờ dưới cơ ngực bé => cơ ngực lớn mới đúng chứ?
- Đi trong ống cánh tay.
- Ở khuỷu, đi trong *rãnh nhị đầu trong*
- Cho 2 nhánh cùng: **ĐM quay** và **ĐM trụ** ĐM quay và trụ là nhánh tận của đm cánh tay
- **TK giữa bắt chéo phía trước ĐM cánh tay** để đi từ ngoài vào trong.



# VÙNG CÁNHI TAY TRƯỚC: động mạch cánh tay

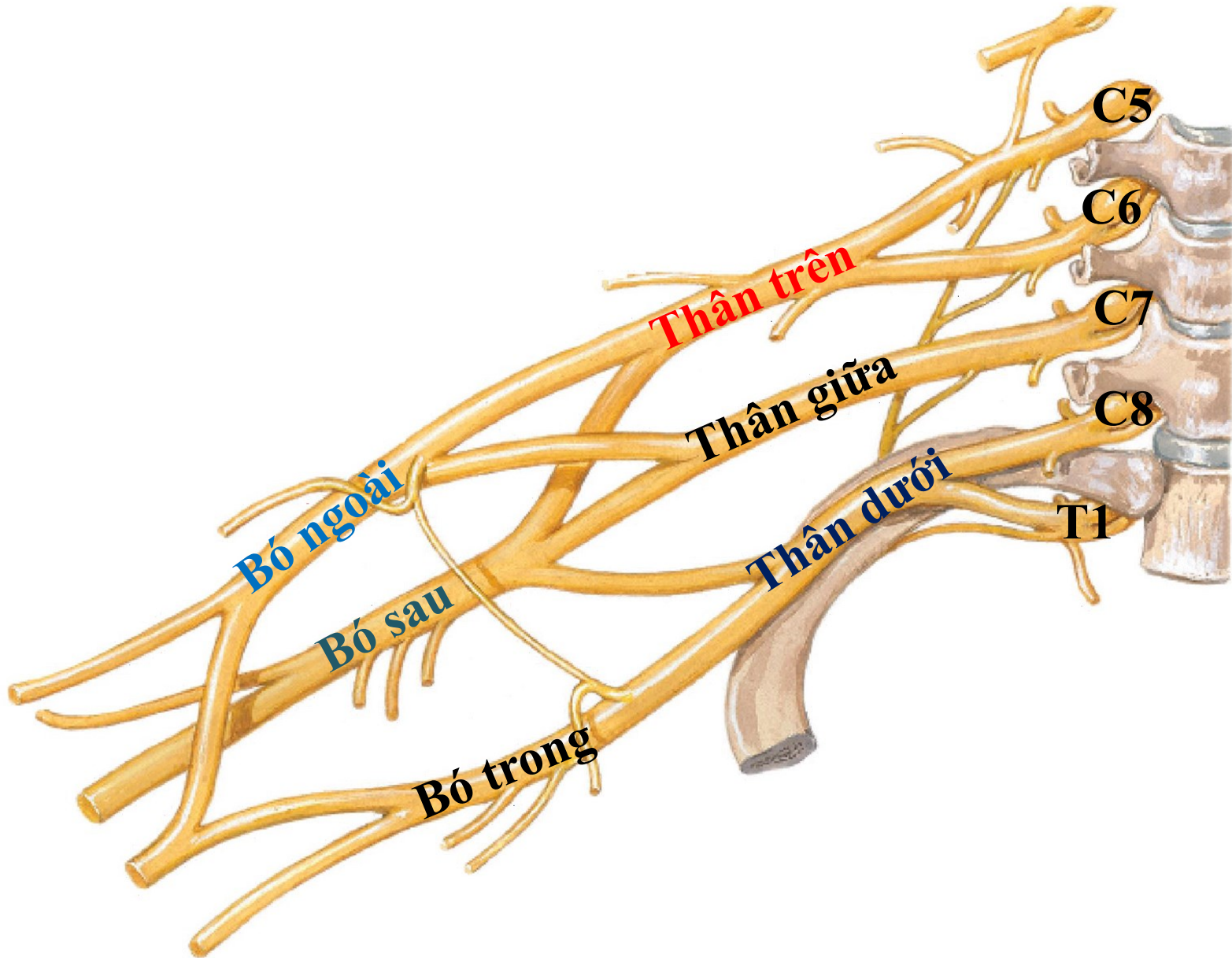
ĐM cánh tay sâu sẽ xuyên qua vách gian cơ, đi ra sau để cấp máu vùng sau cánh tay

nhánh của ĐM cánh tay sâu



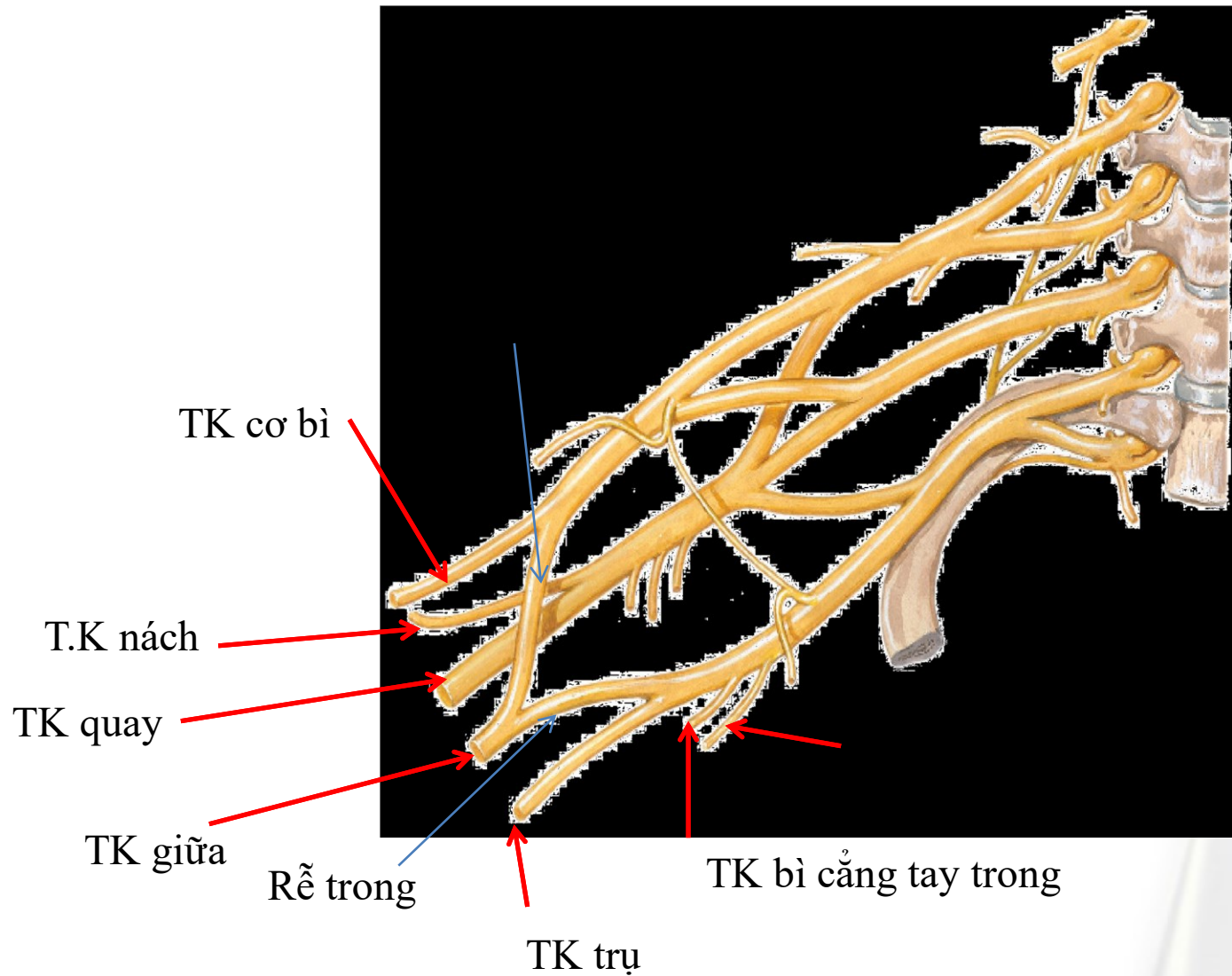


# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC: thẩm kình





# VÙNG CÁNHI TAY TRƯỚC: thần kinh



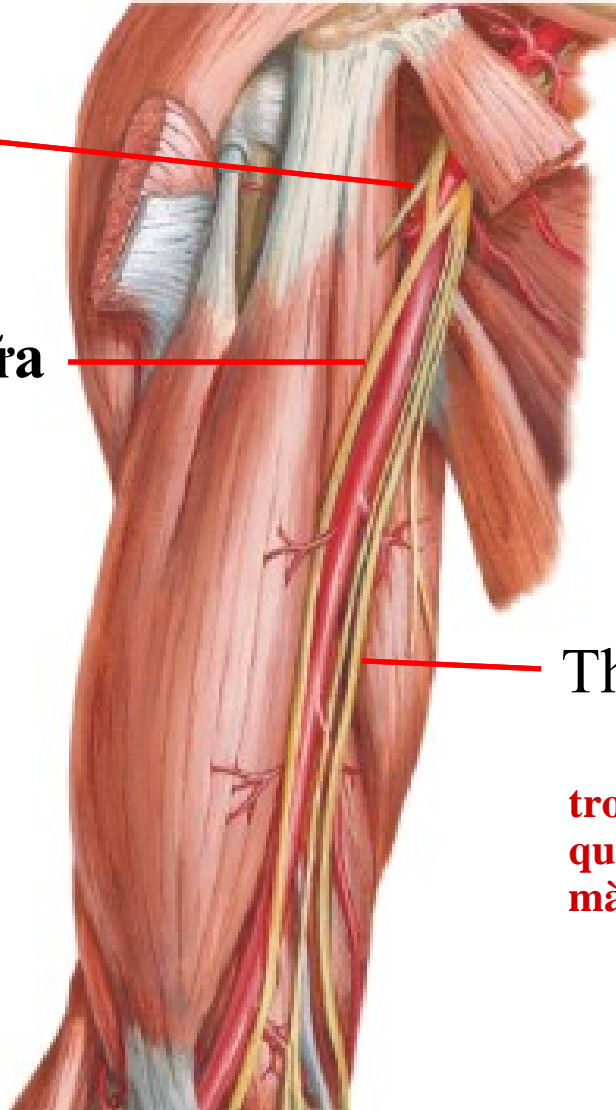
# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC: thần kinh

Thần kinh cơ bì

Thần kinh giữa

Thần kinh trụ


trong ống cánh tay có TK giữa và trụ  
quan trọng, ko chỉ phối vùng cánh tay  
mà đi xuống dưới, chi phối ở dưới.




# VÙNG CẢNH TAY TRƯỚC: thẩm kính

 TK trụ:

 Tách từ bó trong

 Đi trong ống cánh tay

 Đi cùng ĐM bên trụ trên,  $1/3$  giữa  $\rightarrow$  chọc qua vách gian cơ trong ra sau, đi qua rãnh TK trụ xuống cẳng tay.

 Không cho nhánh bên ở cánh tay.

**ko cho nhánh bên ở cánh tay nhé.**



# VÙNG CÁNҺ TAY TRƯỚC: thẩm kình

- TK cơ bì: vừa chi phối cảm giác vừa chi phối vận động
- Tách từ bó ngoài
- Xuyên qua cơ quạ cánh tay
- Cảm giác: Mặt ngoài cánh tay mặt trong thì có bì cánh tay trong.
- Vận động: các cơ vùng cánh tay trước.



# VÙNG CÁNH TAY TRƯỚC: thẩm kinh

 **TK bì cẳng tay trong:**

 Tách từ bó trong

 Đi trong ống cánh tay, phía trong ĐM

 Cảm giác: mặt trong phần dưới cánh tay, mặt trong cẳng tay.

 **TK bì cánh tay trong:**

 Tách từ bó trong

 Cảm giác: Mặt trong phần dưới cánh tay



# VÙNG CÁNH TAY TRƯỚC: thẩm kinh

**TK giữa:**

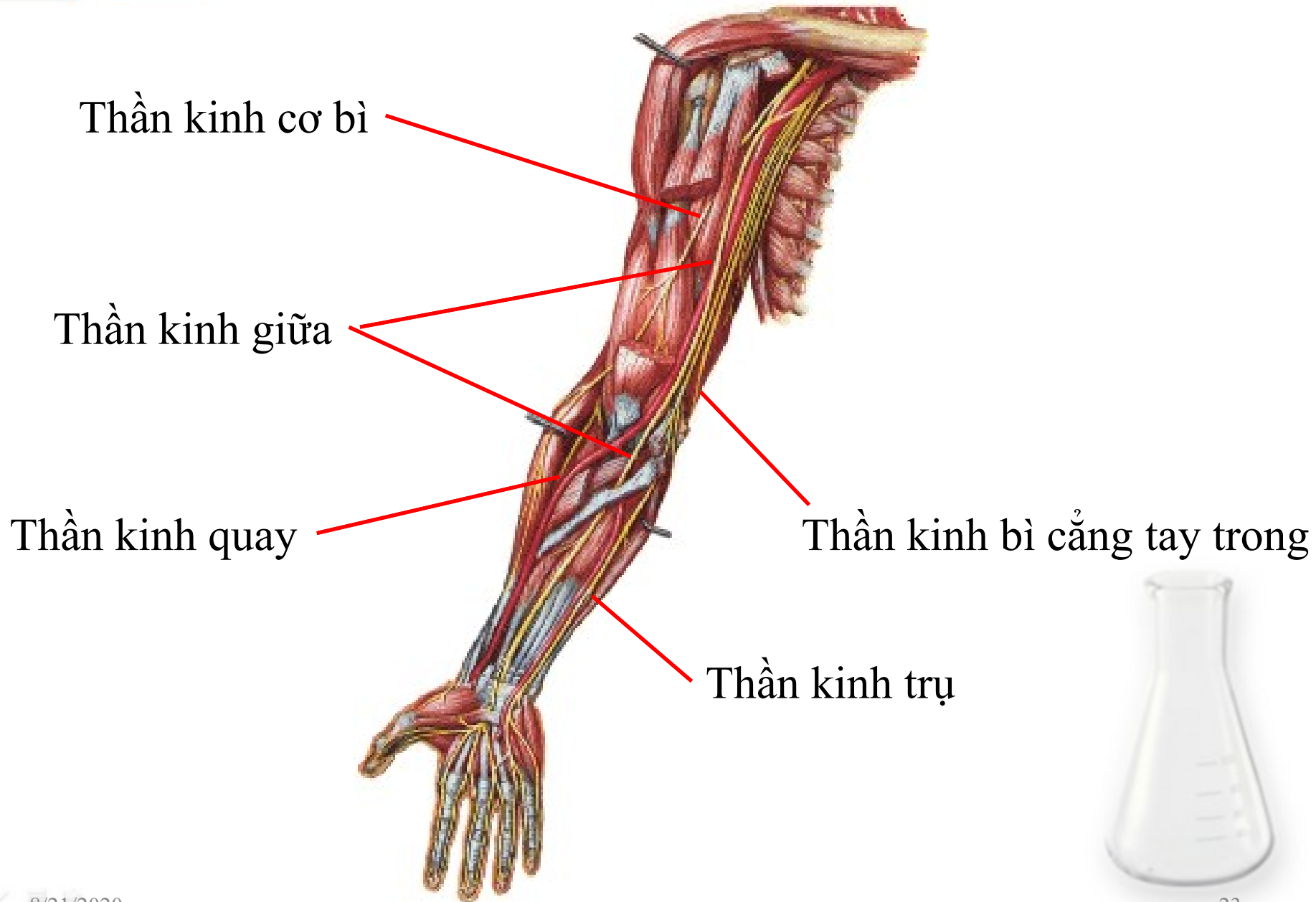
Tách từ bó ngoài và bó trong (hai rễ)

Đi cùng ĐM cánh tay, ban đầu ở ngoài ĐM, **đến 1/3 giữa cánh tay** thì bắt chéo trước ĐM để vào trong ĐM

Không cho nhánh bên ở cánh tay.

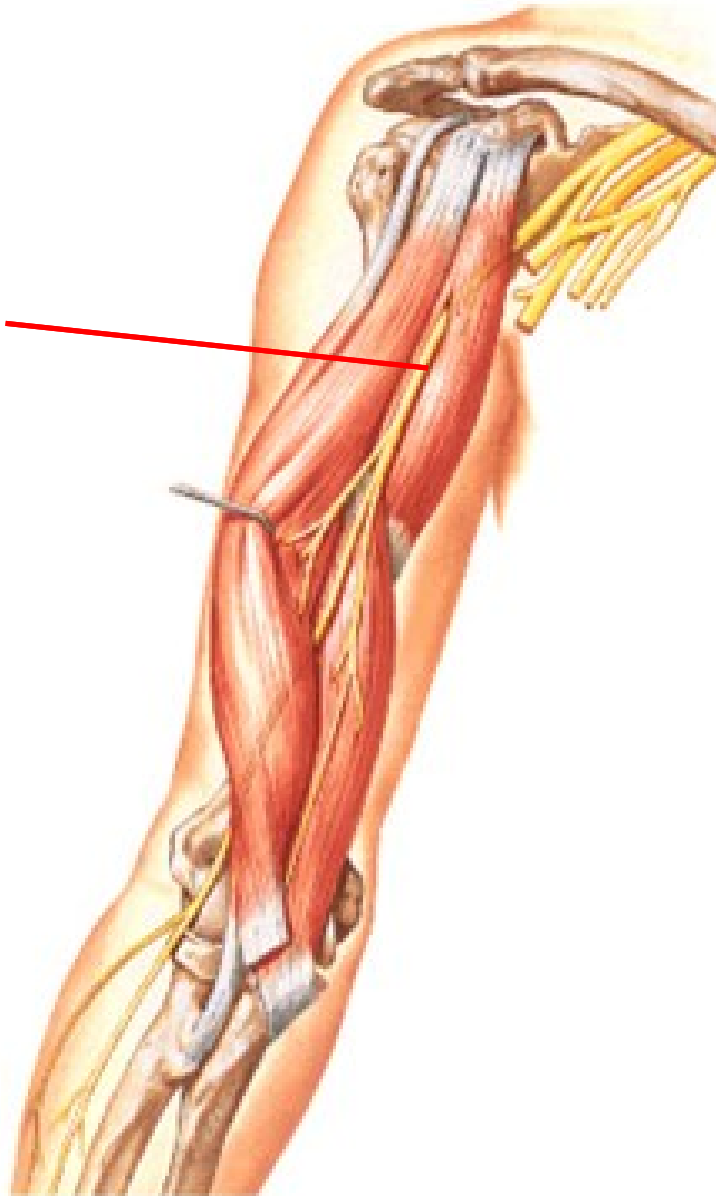


# VÙNG CÁNHI TAY TRƯỚC: thần kinh



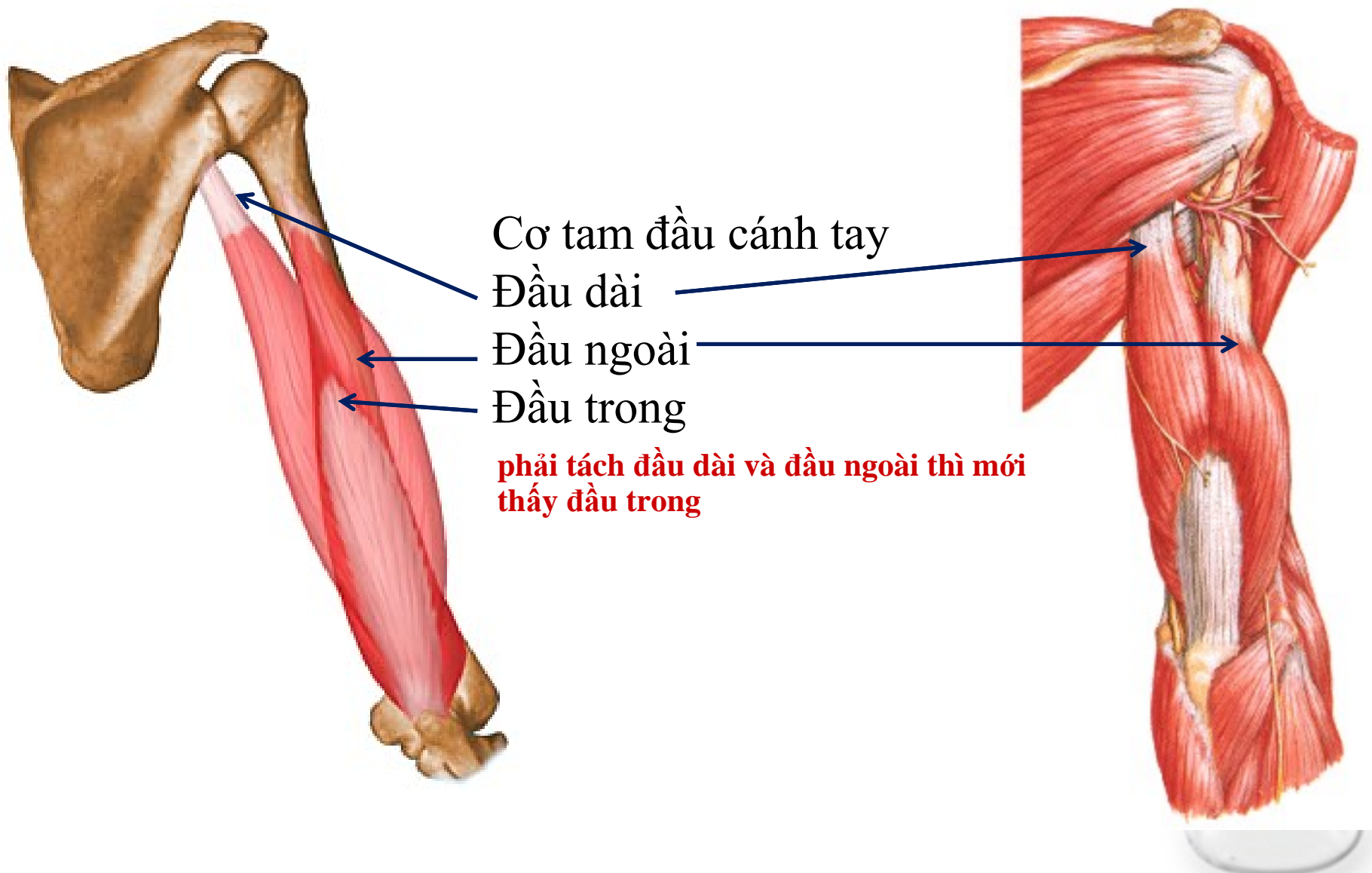
# VÙNG CÁNHI TAY TRƯỚC: thần kinh

Thần kinh cơ bì





# VÙNG CÁNҺ TAY SAU



# VÙNG CÁNҺ TAY SAU

**Mạch máu và thần kinh:**

***Động mạch cánh tay sâu:***

Nhánh bên của ĐM cánh tay sau đó xuyên qua vách gian cơ

Chui qua lỗ tam giác cánh tay tam đầu cùng TK quay, đi trong **rãnh TK quay của xương cánh tay**.

Cung cấp máu cho vùng cánh tay sau.

**Tĩnh mạch:** Hai TM đi cùng ĐM

**thường những đm lớn thì có 2 tm đi cùng**

ĐM nhỏ chứ :v còn ĐM lớn thì 1 TM thôi.

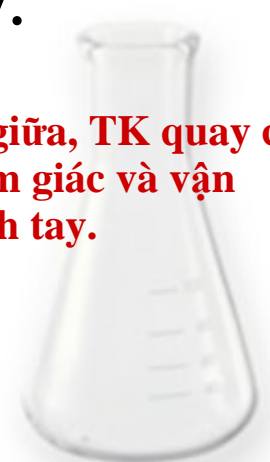


# VÙNG CẢNH TAY SAU

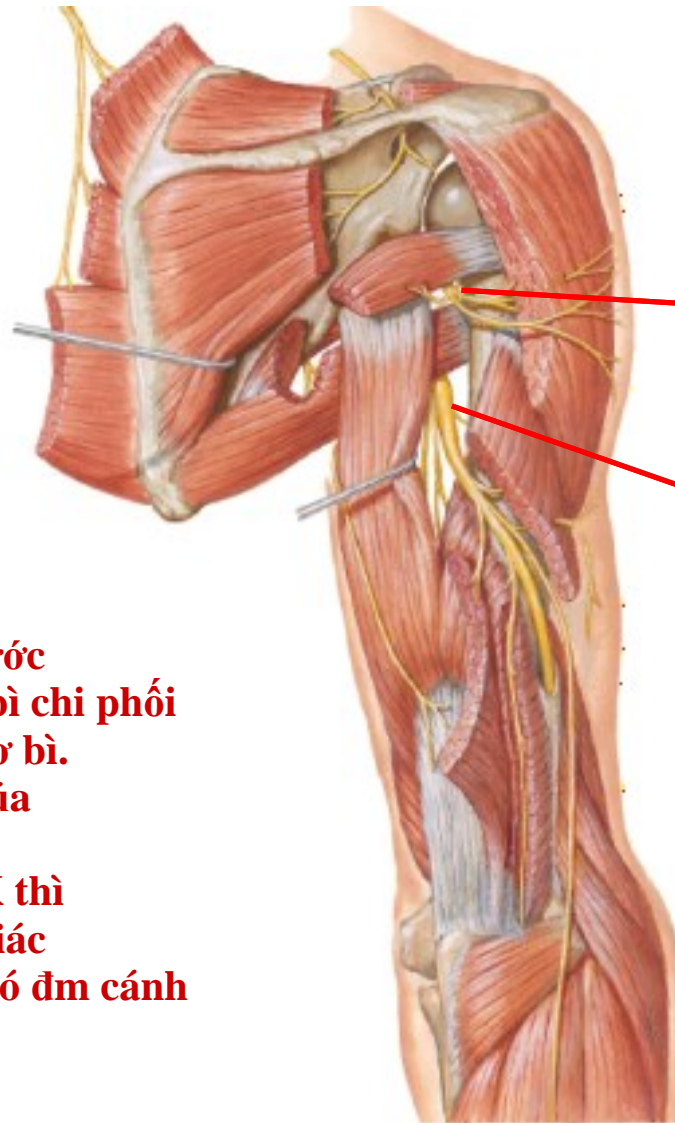
## *TK quay:*

- Tách từ bó sau
- Chui qua lỗ tam giác cánh tay tam đầu, đi trong rãnh TK quay của xương cánh tay → Gãy 1/3 giữa xương cánh tay có thể gây liệt TK quay
- Chọc qua vách gian cơ ngoài rồi ra trước, theo rãnh nhị đầu ngoài (vùng khuỷu) xuống cẳng tay.
- Vận động: Cơ tam đầu cánh tay
- Cảm giác: vùng cánh tay sau

khác TK trụ và giữa, TK quay có cả chức năng cảm giác và vận động ở vùng cánh tay.



# VÙNG CÁNҺ TAY SAU



Thần kinh nách

Thần kinh quay

tóm lại vùng cánh tay có cánh tay trước và sau. Cánh tay trước có tk bì cánh tay trong, tk cơ bì chi phối cảm giác, vận động thì có tk cơ bì. mạch máu thì có nhánh bên của đm cánh tay.  
Vùng cánh tay sau, về mặt TK thì có tk quay chi phối vừa cảm giác vừa vận động, mạch máu thì có đm cánh tay sâu.



# VÙNG KHUYỬ



# Mục tiêu

1. Mô tả được các thành và các thành phần đựng trong các rãnh nhị đầu trong và ngoài của hố khuỷu
2. Mô tả được vòng nối động mạch quanh khuỷu
3. Nêu được các thành phần đi trong rãnh ngoài và rãnh trong của vùng khuỷu sau

**mạch máu thực ra là nhánh bên của các đm  
cơ thì là những chỗ bám của các toán cơ.**



Giữa cánh tay và cẳng tay. Trên và dưới nếp khuỷu 2 khoát ngón tay.

Vùng khuỷu trước là vùng chứa nhiều mạch máu, thần kinh từ cánh tay xuống cẳng tay lại có rất ít cơ che phủ. Vì vậy vết thương hoặc chấn thương vùng khuỷu trước rất dễ làm tổn thương bó mạch thần kinh.



# VÙNG KHUYU: lớp nông

## 1. LỚP NÔNG.

### 1.1. DA VÀ TỔ CHỨC DƯỚI DA

TM giữa khuỷu

TM giữa cẳng tay

TM giữa đầu

TM nền

Một số nối với nhau thành chữ M, H.

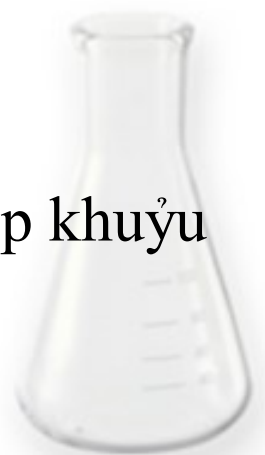
Thần kinh: bì cẳng tay trong (trong)  
cơ bì (ngoài)

**mấy cái tĩnh mạch này phải học để nhớ thôi. Máy TM này điều dưỡng dùng để chích vein.**

**1 số trường hợp ko có TM giữa**

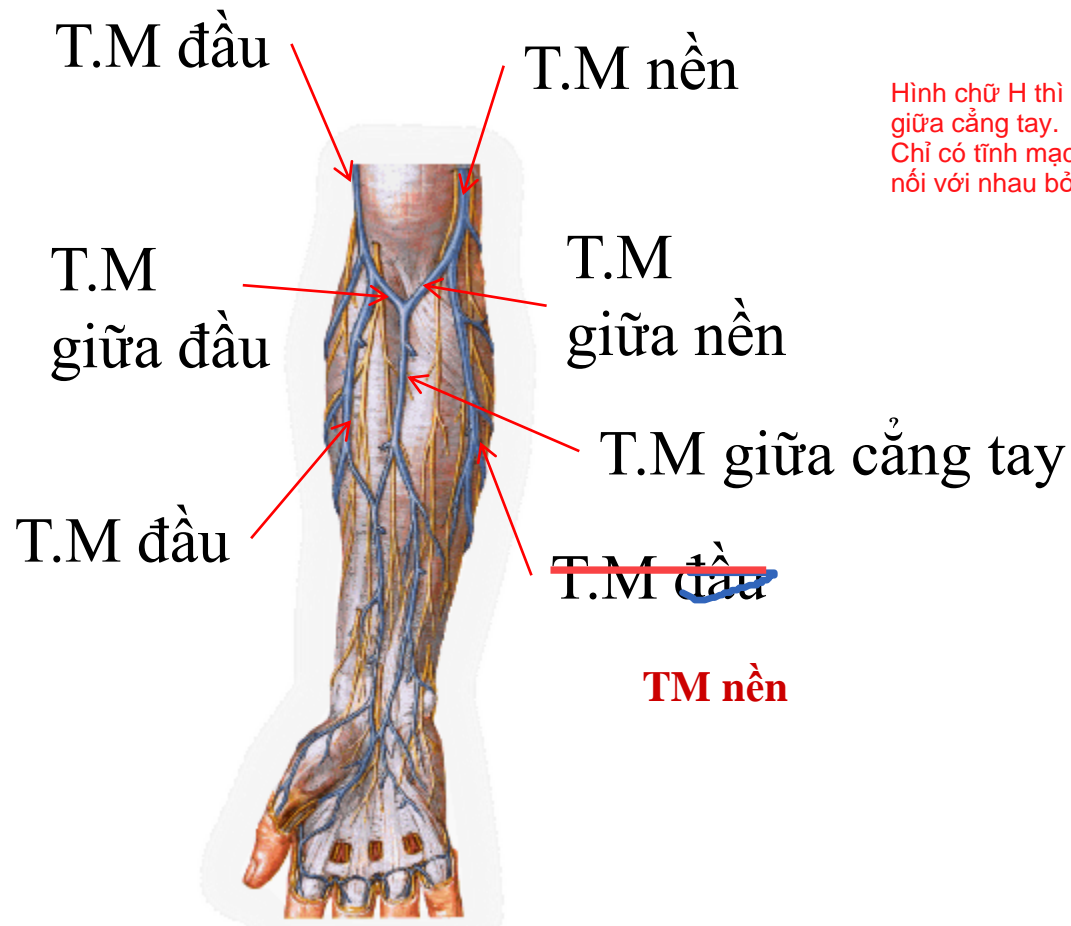
### 1.2 MẠC NÔNG

Lớp mạc nông được tăng cường thêm ở phía trong nếp khuỷu  
bởi trẻ cân cơ nhị đầu cánh tay

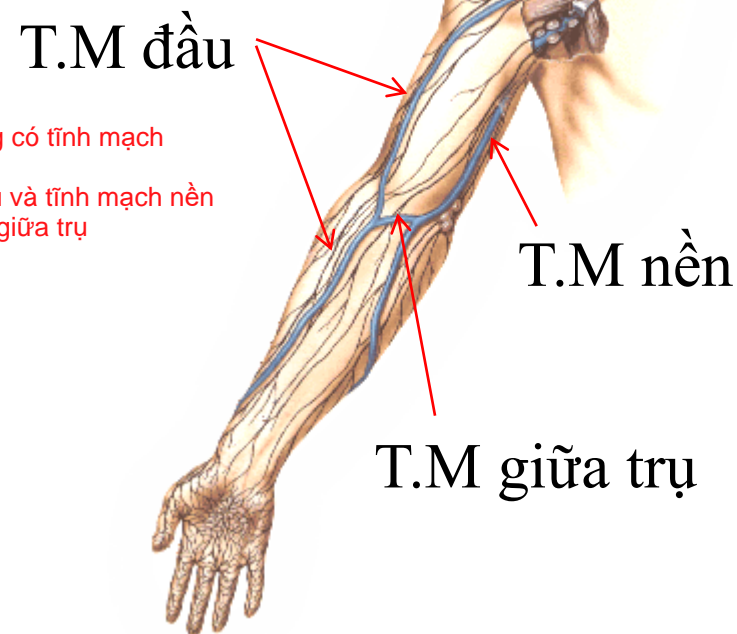




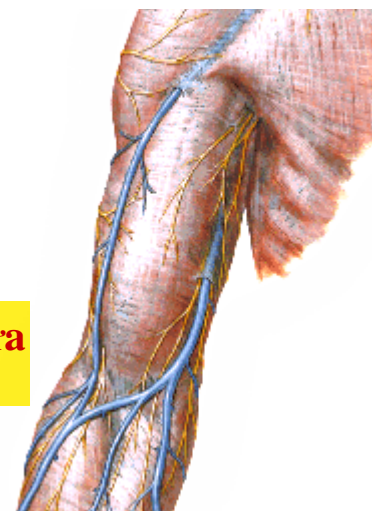
# VÙNG KHUỖU: LỚT



Hình chữ H thì không có tĩnh mạch giữa cẳng tay.  
Chỉ có tĩnh mạch đầu và tĩnh mạch nền nối với nhau bởi TM giữa trụ



khi có dạng chữ H thì ta sẽ ko có TM giữa đầu và giữa nền, mà sẽ có TM giữa trụ. Chữ M và H thì tùy cơ địa mỗi người.



## 2. LỚP SÂU

Gồm các cơ tạo nên hố khuỷu

### 2.1 CÁC CƠ (ba toán cơ)

2.1.1. Toán cơ **phía trong** (toán cơ móm trên lồi cầu trong)

1. cơ sắp tròn
2. cơ gấp cổ tay quay
3. cơ gan tay dài
4. cơ gấp cổ tay trụ
5. cơ gấp chung các ngón tay nông và sâu

Liệt kê theo thứ tự từ nông đến sâu



## 2.1.2. Toán cơ phía ngoài

1. cơ ngửa tay
2. cơ cánh tay quay
3. cơ duỗi cổ tay quay dài
4. cơ duỗi cổ tay quay ngắn

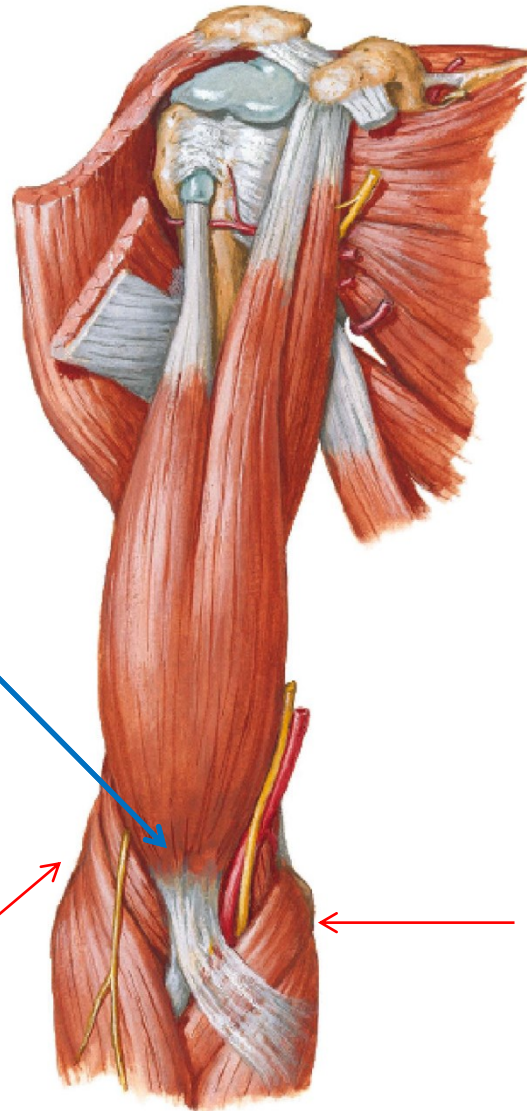
Cơ ngửa nằm dưới cơ cánh tay quay.

## 2.1.3. Toán cơ giữa: phần dưới hai cơ

1. cơ cánh tay
2. cơ nhị đầu cánh tay.



# VÙNG KHUYỂU: lớp sâu



3 toán cơ chia vùng khuỷu thành 2 rãnh: nhị đầu ngoài và nhị đầu trong.

Toán cơ giữa

Toán cơ ngoài

Toán cơ trong



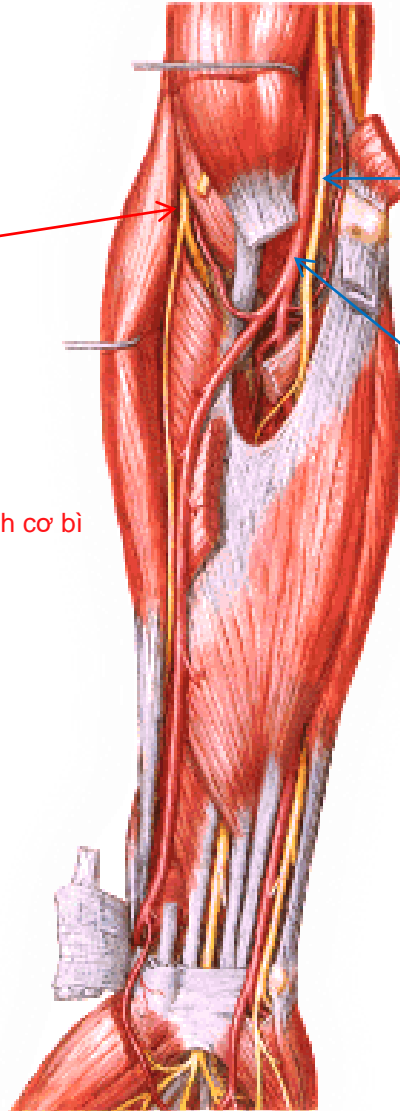
# VÙNG KHÁNH TỬ Đ. II cấp sâu

T.K quay

T.K giữa

ĐM cánh tay

TK quay đi vào rãnh nhị đầu ngoài. chứ không phải thần kinh cơ bì







**Cám ơn sự chú ý lắng nghe của các bạn!**